

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HANOI SECURITIES JSC.,**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 1540/2025/CV-SHS

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025
Hanoi, October 03rd, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Committee*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội/ *Saigon – Hanoi Securities JSC.*

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: SHS/069

- Địa chỉ/Address: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Hà Nội/ *Floor 1st-5th, Unimex Ha Noi Building, No. 41, Ngo Quyen street, Cua Nami ward, Hanoi*

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 024.38 181.888

Fax: 024.38 181.688

- E-mail: congbothongtin@shs.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty/ *Report on the results of the stock issuance under the Employee Stock Option Program.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 03/10/2025 tại đường dẫn/This information was published on the company's website on October 03rd, 2025 as in the link:

<https://www.shs.com.vn/News/2025103/1012942/shs-cbtt-bao-cao-ket-qua-dot-phat-hanh-co-phieu-theo-chuong-trinh-lua-chon-cho-nguoi-lao-dong.aspx>

<https://www.shs.com.vn/News/2025103/1012941/shs-cbtt-bao-cai-ket-qua-dot-phat-hanh-co-phieu-theo-chuong-trinh-lua-chon-cho-nguoi-lao-dong.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động.

Report on the results of the stock issuance under the Employee Stock Option Program.

**Đại diện tổ chức/Organization representative
Người được ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information**



TRẦN THỊ VÂN

Số: 1516-2025/CV-SHS

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội**
2. Tên viết tắt: **SHS**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
4. Số điện thoại: (84-24) 3818 1888 Số Fax: (84-24) 3818 1688
Website: <https://www.shs.com.vn>
5. Vốn điều lệ: 8.944.622.200.000 đồng
6. Mã cổ phiếu: **SHS**
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Đông Đô
Số hiệu tài khoản: 1001085188
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0102524651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/11/2007, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 16/6/2025
9. Giấy phép thành lập và hoạt động số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 15/11/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK ngày 28/5/2025.

Ngành nghề kinh doanh chính: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Hoạt động tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;

Sản phẩm/dịch vụ chính: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Môi giới, Tự doanh, Đầu tư Chứng khoán phái sinh; Các dịch vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật

II. Phương án phát hành

1. Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội**
2. Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**
3. Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành:
 - Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 894.462.220 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 894.462.220 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 5.000.000 (năm triệu) cổ phiếu, tương ứng 0,56% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
5. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phổ thông phát hành cho Người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành
6. Giá phát hành: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
7. Nguồn vốn phát hành: Không có (Không phải phát hành cổ phiếu thưởng cho Người lao động)
8. Ngày kết thúc đợt phát hành: Ngày 02/10/2025.
9. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Dự kiến tháng 10-11/2025.

III. Kết quả phát hành cổ phiếu

1. Số cổ phiếu đã phân phối: 5.000.000 (năm triệu) cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.
2. Số người lao động được phân phối: 294 người
3. Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 02/10/2025): 899.462.220 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 899.462.220 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

IV. Tài liệu gửi kèm

1. Danh sách Người lao động tham gia Chương trình ESOP năm 2025 của SHS
2. Quyết định số 54-2025/QĐ-HĐQT ngày 29/8/2025, Biên bản họp số 48-2025/BBH-HĐQT ngày 29/8/2025 của Hội đồng quản trị Công ty;
3. Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT ngày 25/9/2025; Biên bản họp số 55-2025/BBH-HĐQT ngày 25/9/2025 của Hội đồng quản trị Công ty;
4. Văn bản xác nhận của Ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt phát hành.
5. Văn bản của SHS chi tiết về số dư tài khoản phong tỏa.

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN – HÀ NỘI**



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN CHÍ THÀNH

PHỤ LỤC: DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG (NLĐ) THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP NĂM 2025 CỦA SHS

(kèm theo Báo cáo số 1516-2025/CV-SHS ngày 02/10/2025)

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
1	Đỗ Quang Vinh	Hội đồng quản trị	Chủ tịch HĐQT	200.000	200.000	0	200.000
2	Lê Đăng Khoa	Hội đồng quản trị	TV HĐQT	70.000	70.000	25.000	95.000
3	Nguyễn Diệu Trinh	Hội đồng quản trị	TV HĐQT độc lập	60.000	60.000	20.000	80.000
4	Đào Ngọc Dũng	Hội đồng quản trị	TV HĐQT	20.000	20.000	0	20.000
5	Nguyễn Chí Thành	Ban Tổng Giám Đốc	Tổng giám đốc (CEO)	624.720	624.720	0	624.720
6	Trần Thị Hồng Liên	Bộ phận Trợ Lý	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.140	12.140	0	12.140
7	Phạm Thị Hồng Phượng	Phòng Phát triển sản phẩm	Phó phòng	19.730	19.730	0	19.730
8	Nguyễn Mạnh Quyết	Phòng Phát triển sản phẩm	Tổ trưởng nghiệp vụ	11.440	11.440	0	11.440
9	Nguyễn Khắc Thành	Phòng Phát triển sản phẩm	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.640	12.640	0	12.640
10	Thái Dương	Phòng Phát triển sản phẩm	Tổ trưởng nghiệp vụ	8.940	8.940	0	8.940
11	Bùi Mạnh Kiên	Phòng Phát triển sản phẩm	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
12	Nguyễn Bình Minh	Phòng Phát triển sản phẩm	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
13	Lê Minh Nghĩa	Phòng Phát triển sản phẩm	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
14	Nguyễn Thị Hải Yến	Phòng Phát triển sản phẩm	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
15	Mai Ngọc Lâm	Trung tâm Môi giới chứng khoán	Phó Giám đốc	43.960	43.960	0	43.960
16	Nguyễn Hữu Vĩnh	Trung tâm Môi giới chứng khoán	Giám đốc Phát triển kinh doanh	31.280	31.280	0	31.280
17	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Trưởng phòng	13.970	13.970	0	13.970
18	Nguyễn Minh Việt	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Trưởng nhóm	12.670	12.670	0	12.670
19	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	6.740	6.740	0	6.740

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
20	Phạm Thị Hồng	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	10.440	10.440	0	10.440
21	Đỗ Hương Giang	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	11.640	11.640	0	11.640
22	Dương Thị Dung	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	5.440	5.440	0	5.440
23	Trần Phương Anh	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	7.940	7.940	0	7.940
24	Phùng Thu An	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	4.240	4.240	0	4.240
25	Phạm Thị Loan	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	12.940	12.900	0	12.900
26	Nguyễn Phương Ly	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	12.940	12.940	0	12.940
27	Phan Thị Phương	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	7.940	7.940	0	7.940
28	Nguyễn Duy Sơn	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	10.440	10.440	0	10.440
29	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	7.940	7.940	0	7.940
30	Nguyễn Thị Nhung	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	10.440	10.440	0	10.440
31	Đặng Thị Thu Thủy	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	5.440	5.440	0	5.440
32	Đỗ Quỳnh Trang	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	7.940	7.940	0	7.940
33	Nguyễn Thị Trà Giang	Phòng Môi giới 2	Trưởng phòng	23.250	23.250	0	23.250
34	Hoàng Hải Đường	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	13.940	13.940	0	13.940
35	Hoàng Ngọc Bùi	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
36	Đoàn Phương Anh	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	12.640	12.640	0	12.640
37	Nguyễn Đức Kim	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	12.640	12.640	0	12.640
38	Ngô Thị Ngọc Tân	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
39	Nguyễn Bình Minh	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
40	Lê Văn Hải	Phòng Môi giới 3	Chuyên viên	6.440	0	0	0
41	Vũ Đăng Sơn	Phòng Môi giới 5	Trưởng phòng	21.950	21.950	0	21.950
42	Nguyễn Duy Tân	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
43	Lưu Thị Thu Thảo	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
44	Lã Tuấn Nghĩa	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	12.640	12.640	0	12.640
45	Nguyễn Mạnh Hà	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	12.640	12.640	0	12.640
46	Lê Thủy Dương	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
47	Nguyễn Tuấn Dương	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	12.640	12.640	0	12.640
48	Trần Thị Tuyết	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	12.640	12.640	0	12.640
49	Phạm Đức Hiền	Phòng Môi giới 6	Trưởng phòng	21.950	21.950	0	21.950
50	Nguyễn Thị Hoa	Phòng Môi giới 6	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
51	Nguyễn Thị Lan Hương	Phòng Môi giới 6	Chuyên viên	7.740	7.740	0	7.740
52	Nguyễn Tuấn Anh	Phòng Môi giới 6	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
53	Nguyễn Trung Nhất	Phòng Môi giới 6	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
54	Vũ Thế Long	Phòng Môi giới 9	Trưởng phòng	32.300	32.300	0	32.300
55	Phạm Xuân Thị Thanh Quang	Phòng Môi giới 9	Tổ trưởng nghiệp vụ	9.970	9.970	0	9.970
56	Lã Hoàng Quân	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
57	Đặng Phương Mai	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	7.740	7.740	0	7.740
58	Phùng Viêt Mạnh	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
59	Lê Thanh Tùng	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
60	Hoàng Trung Dũng	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
61	Nguyễn Viêt Cường	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
62	Trần Hữu Đoàn	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
63	Hoàng Minh Đức	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
64	Phạm Văn Dực	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
65	Bùi Xuân Hưởng	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	12.640	12.640	0	12.640

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
66	Nguyễn Tuấn Linh	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
67	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Phòng Môi giới 9	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
68	Lại Văn Nguyên	Phòng Môi giới 12	Trưởng phòng	20.750	20.750	0	20.750
69	Nguyễn Nguyệt Minh	Phòng Môi giới 12	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
70	Nguyễn Việt Dũng	Phòng Môi giới 15	Trưởng phòng	20.750	20.750	0	20.750
71	Phạm Trung Dũng	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	7.740	7.740	0	7.740
72	Trần Văn Hải	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
73	Bùi Văn Chuông	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
74	Lê Trọng Hưng	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
75	Dương Văn Hạnh	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
76	Lê Quốc Khánh	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
77	Nguyễn Đức Mạnh	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	7.740	7.740	0	7.740
78	Lê Thị Hồng Nhung	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
79	Dương Quốc Tuấn	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
80	Phạm Thành Trung	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
81	Phạm Xuân Tiến	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	12.640	12.600	0	12.600
82	Ngô Thư Thái	Phòng Môi giới 15	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
83	Phạm Anh Trường	Phòng phát triển mạng lưới Quảng Ninh	Trưởng phòng	20.750	20.750	0	20.750
84	Vũ Tuấn Anh	Phòng phát triển mạng lưới Quảng Ninh	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
85	Phạm Thế Huy	Phòng HP01	Trưởng phòng	17.050	17.050	0	17.050
86	Đặng Chí Thành	Phòng HP01	Chuyên viên	10.140	10.140	0	10.140
87	Nguyễn Thị Yên	Phòng HP01	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
88	Nguyễn Quang Trung	Phòng HP09	Trưởng phòng	19.450	19.450	0	19.450
89	Dương Đức Thắng	Phòng HP09	Chuyên viên	7.740	7.740	0	7.740
90	Bùi Quang Minh	Phòng HP09	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
91	Đỗ Ngọc Linh	Phòng HP09	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
92	Tạ Trung Đức	Phòng HP09	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
93	Lê Hoàng Anh	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
94	Trần Văn Chính	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
95	Trần Triệu Ân	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
96	Phạm Nguyễn Hải Âu	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
97	Đinh Thị Hoàng Bạch	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
98	Nguyễn Thị Kim Ngân	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
99	Trịnh Minh Long	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
100	Võ Nguyễn Thiên Phú	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
101	Dương Thị Thanh Tuyền	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
102	Lê Thanh Nghị	Phòng Môi giới 16	Nhân viên	5.240	0	0	0
103	Ngô Thị Tình	Phòng Môi giới 16	Trưởng phòng Môi giới	14.550	14.550	0	14.550
104	Lê Anh Minh	Phòng Đầu tư	Phó phòng	51.610	51.610	0	51.610
105	Hoàng Tuấn Anh	Phòng Đầu tư	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.540	12.540	0	12.540
106	Nguyễn Văn Đàm	Phòng Đầu tư	Tổ trưởng nghiệp vụ	13.740	13.740	0	13.740
107	Nguyễn Phương Anh	Phòng Đầu tư	Chuyên viên	10.040	10.040	0	10.040
108	Nguyễn Thị Ngọc An	Phòng Đầu tư	Chuyên viên	7.540	7.540	0	7.540
109	Nguyễn Biên Phòng	Phòng Đầu tư	Chuyên viên	11.240	11.240	0	11.240
110	Nguyễn Huỳnh Bảo Trâm	Phòng Đầu tư	Chuyên viên	7.540	7.540	0	7.540

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
111	Đỗ Dương Thông	Phòng Đầu tư	Chuyên viên	12.540	12.540	0	12.540
112	Nguyễn Thị Thu Hường	Phòng Đầu tư	Chuyên viên	6.340	6.340	0	6.340
113	Phan Thị Hương	Phòng Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành	Phó phòng	21.950	21.950	0	21.950
114	Phạm Thị Hải An	Phòng Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành	Phó phòng	23.250	23.250	0	23.250
115	Tạ Thanh Sơn	Phòng Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành	Phó phòng	21.950	21.950	0	21.950
116	Nguyễn Thị Thủy (TV)	Phòng Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành	Phó phòng phụ trách	24.630	24.630	0	24.630
117	Tạ Minh Quân	Phòng Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành	Tổ trưởng nghiệp vụ	8.940	8.940	0	8.940
118	Đỗ Tuấn Thịnh	Phòng Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
119	Phạm Anh Quân	Phòng Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
120	Trần Bích Vân	Phòng Nguồn vốn	Trưởng phòng	54.310	54.310	0	54.310
121	Trịnh Quang Tùng	Phòng Nguồn vốn	Phó phòng	24.630	24.630	0	24.630
122	Nguyễn Thùy Dương	Phòng Nguồn vốn	Phó phòng	24.630	24.630	0	24.630
123	Vũ Thế Anh	Phòng Nguồn vốn	Tổ trưởng nghiệp vụ	8.940	8.940	0	8.940
124	Nguyễn Đình Hòa	Phòng Nguồn vốn	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.640	12.640	0	12.640
125	Phùng Thị Ngọc Thanh	Phòng Nguồn vốn	Tổ trưởng nghiệp vụ	8.940	8.940	0	8.940
126	Đỗ Thị Huyền Trang	Phòng Nguồn vốn	Tổ trưởng nghiệp vụ	10.140	10.140	0	10.140
127	Phạm Thị Mai Ngoan	Phòng Nguồn vốn	Chuyên viên	12.640	12.640	0	12.640
128	Trần Trung Nghĩa	Phòng Nguồn vốn	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
129	Nguyễn Thị Hường	Phòng Nguồn vốn	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
130	Nguyễn Ngọc Lâm	Phòng Nguồn vốn	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
131	Trần Hoàng Linh Chi	Phòng Nguồn vốn	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
132	Vũ Thị Loan	Phòng Nguồn vốn	Nhân viên	8.940	8.940	0	8.940
133	Nguyễn Minh Hạnh	Phòng Phân tích	Giám đốc	45.610	45.610	0	45.610
134	Nguyễn Thanh Hoa	Phòng Phân tích	Phó phòng	24.630	24.630	0	24.630
135	Ngô Thế Hiền	Phòng Phân tích	Phó phòng	21.950	21.950	0	21.950
136	Phạm Hồng Sơn	Phòng Phân tích	Phó phòng	19.450	19.450	0	19.450
137	Đoàn Thị Ánh Nguyệt	Phòng Phân tích	Tổ trưởng nghiệp vụ	13.940	13.940	0	13.940
138	Phan Tấn Nhật	Phòng Phân tích	Tổ trưởng nghiệp vụ	11.440	11.440	0	11.440
139	Lê Anh Thắng	Phòng Phân tích	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.640	12.640	0	12.640
140	Vũ Thị Huyền Trang	Phòng Phân tích	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
141	Trần Hồng Mây	Phòng Phân tích	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
142	Vũ Tuấn Duy	Phòng Phân tích	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
143	Lê Thu Huyền	Phòng Phân tích	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
144	Vũ Nhật Ánh	Phòng Phân tích	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
145	Lê Nguyễn Tú Anh	Phòng Phân tích	Chuyên viên	5.240	0	0	0
146	Nguyễn Việt Hùng	Phòng Công nghệ thông tin	Phó phòng	20.750	20.750	0	20.750
147	Trần Mạnh Duy	Phòng Công nghệ thông tin	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.640	12.640	0	12.640
148	Nguyễn Hồng Giang	Phòng Công nghệ thông tin	Tổ trưởng nghiệp vụ	7.740	7.740	0	7.740
149	Nguyễn Tiến Cường	Phòng Công nghệ thông tin	Tổ trưởng nghiệp vụ	7.740	0	0	0
150	Nguyễn Phương Dung	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440	0	0	0
151	Lê Thị Mỹ Duyên	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440	0	0	0
152	Cao Duy Anh	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
153	Đậu Quốc Chung	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
154	Đặng Chí Công	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
155	Hoàng Kỳ	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440	0	0	0
156	Phạm Xuân Hiếu	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
157	Vũ Phương Hà	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	7.740	7.740	0	7.740
158	Nguyễn Thanh Mai	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	5.240	0	0	0
159	Ngô Đức Liên	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
160	Tăng Văn Ngọc	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
161	Lê Văn Tuấn	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
162	Nguyễn Tất Tuấn	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
163	Nguyễn Ngọc Trâm	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
164	Nguyễn Thị Phương Thúy	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
165	Trần Văn Tấn	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
166	Phùng Đức Thọ	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
167	Đặng Thị Thanh Xuân	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên	5.240	0	0	0
168	Nguyễn Thanh Tùng	Phòng Công nghệ thông tin	Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin	35.260	35.260	0	35.260
169	Nguyễn Thị Minh Khánh	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Giám đốc Ban	34.160	34.160	0	34.160
170	Triệu Tuyên	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Trưởng phòng	30.100	0	0	0
171	Nguyễn Thị Vân	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.940	12.940	0	12.940
172	Phạm Văn Cường	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Tổ trưởng nghiệp vụ	10.440	10.440	0	10.440

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
173	Phạm Thu Hoài	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Chuyên viên	9.140	9.140	0	9.140
174	Hà Thị Nhân	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Chuyên viên	10.440	10.440	0	10.440
175	Nguyễn Thị Phong	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Chuyên viên	11.640	11.640	0	11.640
176	Nguyễn Minh Quân	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Nhân viên	7.940	7.940	0	7.940
177	Lê Đình Nhậm	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Nhân viên	12.940	12.940	0	12.940
178	Hoàng Đình Nam	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Nhân viên	5.440	5.440	0	5.440
179	Đỗ Văn Sỹ	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Nhân viên	12.940	12.940	0	12.940
180	Phạm Thị Hằng	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Tổ trưởng nghiệp vụ	13.940	0	0	0
181	Trần Thị Bích Thảo	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Tổ trưởng nghiệp vụ	13.940	13.940	0	13.940
182	Nguyễn Thị Ngọc	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Chuyên viên	13.940	13.940	0	13.940
183	Lê Thanh Liêm	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
184	Phạm Thị Thanh Hảo	Phòng Kế toán	Kế toán trưởng	51.480	51.480	0	51.480
185	Vũ Thị Duyên	Phòng Kế toán	Phó phòng	26.130	26.130	0	26.130
186	Bùi Thị Trang	Phòng Kế toán	Tổ trưởng nghiệp vụ	11.640	11.640	0	11.640
187	Đặng Minh Trang	Phòng Kế toán	Chuyên viên	10.440	10.440	0	10.440
188	Nguyễn Thị Quỳnh	Phòng Kế toán	Chuyên viên	10.440	10.440	0	10.440

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
189	Đỗ Thị Thanh Vân	Phòng Kế toán	Chuyên viên	11.640	11.640	0	11.640
190	Nguyễn Thị Thủy	Phòng Kế toán	Phó phòng	25.430	25.430	0	25.430
191	Nguyễn Thị Phi Nga	Phòng Kế toán	Tổ trưởng nghiệp vụ	13.440	13.440	0	13.440
192	Lê Thị Kim Anh	Phòng Kế toán	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.140	12.140	0	12.140
193	Nguyễn Thị Thúy Hà	Phòng Kế toán	Chuyên viên	10.940	10.940	0	10.940
194	Cao Thị Hoài	Phòng Kế toán	Chuyên viên	7.240	7.240	0	7.240
195	Lê Thị Kim Thoa	Phòng Kế toán	Chuyên viên	9.640	9.640	0	9.640
196	Đặng Hải Yến	Phòng Kế toán	Chuyên viên	8.440	8.440	0	8.440
197	Lê Thị Hoài Thu	Phòng Dịch vụ Tài chính	Trưởng phòng	38.460	38.460	0	38.460
198	Đào Thị Hằng	Phòng Dịch vụ Tài chính	Phó phòng	25.430	25.430	0	25.430
199	Nguyễn Minh Vũ	Phòng Dịch vụ Tài chính	Phó phòng	26.630	26.630	0	26.630
200	Nguyễn Hoàng Hà	Phòng Dịch vụ Tài chính	Tổ trưởng nghiệp vụ	13.170	13.170	0	13.170
201	Nguyễn Thị Hà	Phòng Dịch vụ Tài chính	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.140	12.140	0	12.140
202	Bùi Thị Thu Thủy	Phòng Dịch vụ Tài chính	Tổ trưởng nghiệp vụ	11.970	11.970	35.000	46.970
203	Nguyễn Bích Ngọc	Phòng Dịch vụ Tài chính	Chuyên viên	4.740	0	0	0
204	Bùi Thị Nhung	Phòng Dịch vụ Tài chính	Chuyên viên	8.440	8.440	0	8.440
205	Nguyễn Thu Hằng	Phòng Dịch vụ Tài chính	Chuyên viên	9.640	9.640	0	9.640
206	Nguyễn Thị Dung	Phòng Dịch vụ Tài chính	Chuyên viên	9.640	9.640	0	9.640
207	Đào Trọng Hiệp	Phòng Kế hoạch & PTTT	Trưởng phòng	25.600	25.600	0	25.600
208	Dương Thị Hồng Nhung	Phòng Kế hoạch & PTTT	Tổ trưởng nghiệp vụ	5.940	5.940	0	5.940
209	Nguyễn Thành Nam	Phòng Kế hoạch & PTTT	Chuyên viên	5.940	5.940	0	5.940
210	Đỗ Anh Tuấn	Phòng Kế hoạch & PTTT	Chuyên viên	4.740	4.740	0	4.740
211	Vũ Tiến Vinh	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Giám đốc	34.760	0	0	0

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
212	Bùi Quỳnh Trang	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Phó phòng	20.250	20.250	0	20.250
213	Nguyễn Tùng Hoa	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Chuyên viên	8.440	8.440	0	8.440
214	Nguyễn Thị Lan Hương	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Chuyên viên	9.640	9.640	0	9.640
215	Trần Thị Vân	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Phó phòng	26.630	26.630	0	26.630
216	Lưu Đức Huy	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Chuyên viên	4.740	0	0	0
217	Nguyễn Việt Hương	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Chuyên viên	4.740	4.740	0	4.740
218	Nguyễn Thanh Hằng	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Chuyên viên	4.740	4.740	0	4.740
219	Lê Thị Thu Hà	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Chuyên viên	8.440	8.440	0	8.440
220	Phan Thị Trang	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro	Chuyên viên	7.240	7.240	0	7.240
221	Trần Phương Chi	Tài chính Quản trị	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
222	Đào Thị Thu Hường	Khối Ngân hàng Đầu tư	Phó Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư	35.260	35.000	0	35.000
223	Trần Huy Hoàng	Trung tâm M&A và Tái cấu trúc	Phó Giám đốc Trung tâm	24.900	24.900	0	24.900
224	Trần Ngọc Toàn	Trung tâm M&A và Tái cấu trúc	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
225	Nguyễn Thị Trinh Lê	Ủy Ban Kiểm toán	Chuyên viên cao cấp	4.740	4.740	0	4.740
226	Trần Linh Chi	Ủy Ban Kiểm toán	Chuyên viên	4.740	4.740	0	4.740

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
227	Lê Phương Thanh Hoài	Văn phòng Hội đồng quản trị	Chánh văn phòng HĐQT	36.100	36.100	0	36.100
228	Doãn Thị Như Quỳnh	Văn phòng Hội đồng quản trị	Phó Chánh VP HĐQT	23.250	23.250	0	23.250
229	Bùi Lan Chi	Văn phòng Hội đồng quản trị	Chuyên viên	7.740	7.740	0	7.740
230	Phan Thùy Linh	Văn phòng Hội đồng quản trị	Chuyên viên	13.940	13.940	0	13.940
231	Đặng Văn Triu	Văn phòng Hội đồng quản trị	Lái xe	5.240	5.240	0	5.240
232	Nguyễn Thị Hồng Hải	Văn phòng Hội đồng quản trị	Trợ lý Chủ tịch HĐQT	167.400	167.400	100.580	267.980
233	Đặng Anh Tuấn	Ban Giám đốc - PGD	Giám đốc	37.480	37.480	0	37.480
234	Nguyễn Tường Vân	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.940	12.940	0	12.940
235	Phạm Thị Thanh Hà	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	10.440	10.440	0	10.440
236	Nguyễn Thế Anh	Phòng Giao dịch Tổng hợp	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
237	Nguyễn Văn Hạnh	Phòng Môi giới 16	Trưởng phòng	21.950	21.950	0	21.950
238	Nguyễn Tiến Hưng	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240	5.000	0	5.000
239	Nguyễn Mạnh Tùng	Phòng Môi giới 16	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
240	Trần Ngọc Tráng	Phòng Môi giới 36	Trưởng phòng	21.950	21.950	0	21.950
241	Trần Thu Trang	Phòng Môi giới 36	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
242	Nguyễn Trung Hiếu	Phòng Môi giới 36	Chuyên viên	10.140	10.140	0	10.140
243	Nguyễn Tuấn Hoàng	Phòng Môi giới 36	Chuyên viên	10.140	10.140	0	10.140
244	Lê Khánh Việt	Phòng Môi giới 37	Trưởng phòng	23.250	23.250	0	23.250
245	Phạm Hoài Thanh Thanh	Phòng Môi giới 37	Chuyên viên	11.440	11.000	0	11.000

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
246	Lương Thị Nhài	Phòng Môi giới 37	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
247	Dương Thị Thu Hà	Phòng Môi giới 37	Chuyên viên	12.640	12.640	0	12.640
248	Dư Thị Bình Dương	Phòng Môi giới 37	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
249	Phạm Thanh Vũ	Ban Giám đốc - CN.TPHCM	Giám đốc chi nhánh	36.460	36.460	0	36.460
250	Phạm Minh Sơn	Ban Giám đốc - CN.TPHCM	Phó Giám đốc chi nhánh	32.600	32.600	0	32.600
251	Hoàng Công Huy	Phòng Giao dịch chứng khoán - CN.TPHCM	Giám đốc Môi giới Chi nhánh	15.750	15.750	0	15.750
252	Nguyễn Duy Minh	Phòng Giao dịch chứng khoán - CN.TPHCM	Nhân viên	5.240	0	0	0
253	Đinh Thị Cẩm Nhung	Phòng Môi giới 1	Trưởng phòng	23.250	23.200	0	23.200
254	Phan Quang Long	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	5.240	5.200	0	5.200
255	Nguyễn Hoàng Thụy	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	13.940	13.000	0	13.000
256	Võ Duy Hùng	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	7.740	7.700	0	7.700
257	Nguyễn Đỗ Anh Khoa	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	6.440	0	0	0
258	Lương Quốc Chương	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	7.740	7.700	0	7.700
259	Nguyễn Nam Anh	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
260	Nguyễn Trần Hoàng Dung	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	12.640	12.640	0	12.640
261	Nguyễn Thị Như Uyên	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	10.140	10.000	0	10.000
262	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Phòng Môi giới 2	Trưởng phòng	21.950	21.950	0	21.950
263	Hoàng Thị Hồng Lê	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	6.440	6.440	0	6.440
264	Lê Thị Lan Hương	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	13.940	13.940	0	13.940
265	Nguyễn Thị Hà Thu	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	7.740	7.740	0	7.740
266	Trần Ngọc Khánh Trinh	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	7.740	7.740	0	7.740

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
267	Phan Thị Thanh Nhân	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
268	Lê Thị Hằng Trinh	Phòng Môi giới 3	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
269	Nguyễn Ngọc Linh	Phòng Môi giới 3	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
270	Trương Minh Thông	Phòng Môi giới 5	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
271	Lê Thị Hạnh	Phòng Môi giới 12	Trưởng phòng	20.750	20.750	0	20.750
272	Nguyễn Thị Thu Diễm	Phòng Môi giới 12	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
273	Lê Thị Thảo Duyên	Phòng Môi giới 12	Chuyên viên	10.140	10.140	0	10.140
274	Phạm Thị Kim Anh	Phòng Môi giới 12	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
275	Bùi Mạnh Cường	Phòng Môi giới 12	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
276	Nguyễn Mạnh Tiến	Phòng Môi giới 12	Chuyên viên	11.440	11.400	0	11.400
277	Nguyễn Ngọc Trân	Phòng Tư vấn tài chính - CN.TPHCM	Trưởng phòng Chi nhánh	14.550	14.500	0	14.500
278	Đỗ Sỹ Khiêm	Phòng Tư vấn tài chính - CN.TPHCM	Chuyên viên	5.240	0	0	0
279	Bạch Trần Minh Hằng	Phòng Tư vấn tài chính - CN.TPHCM	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
280	Phan Thị Kim Oanh	Phòng Kế toán Tài chính - CN.TPHCM	Tổ trưởng nghiệp vụ	11.640	11.600	0	11.600
281	Nguyễn Kim Ngân	Phòng Kế toán Tài chính - CN.TPHCM	Chuyên viên	5.440	5.400	0	5.400
282	Nguyễn Trung Thành	Phòng Kế toán Tài chính - CN.TPHCM	Chuyên viên	7.940	7.900	0	7.900
283	Lê Dương Kiều Trang	Phòng Hành chính Tổng hợp - CN.TPHCM	Tổ trưởng nghiệp vụ	10.440	10.440	0	10.440
284	Ngô Thanh Huyền	Phòng Hành chính Tổng hợp - CN.TPHCM	Nhân viên	12.940	12.940	0	12.940

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
285	Phạm Cao Bảo Hân	Phòng Hành chính Tổng hợp - CN.TPHCM	Trợ lý Giám đốc Chi nhánh	5.440	5.440	0	5.440
286	Đỗ Nguyễn Đình Phong	Phòng Công nghệ thông tin - CN.TPHCM	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
287	Lương Thị Diễm	Phòng Dịch vụ Khách hàng - CN.TPHCM	Trưởng phòng	20.950	20.950	0	20.950
288	Đoàn Thị Bích Ly	Phòng Dịch vụ Khách hàng - CN.TPHCM	Chuyên viên	10.440	10.000	0	10.000
289	Phan Minh Thy	Phòng Dịch vụ Khách hàng - CN.TPHCM	Chuyên viên	7.940	7.900	0	7.900
290	Ngô Thị Kiều Trinh	Phòng Dịch vụ Khách hàng - CN.TPHCM	Chuyên viên	4.240	4.200	0	4.200
291	Trần Phước Hạ Nhi	Ban Giám đốc - CNĐN	Giám đốc chi nhánh	59.480	59.480	0	59.480
292	Ngô Thị Thanh	Phòng Giao dịch chứng khoán - CNĐN	Chuyên viên	10.440	10.440	0	10.440
293	Trần Trung Phúc	Phòng Giao dịch chứng khoán - CNĐN	Giám đốc Môi giới Chi nhánh	23.250	23.250	0	23.250
294	Lê Tôn Anh Thư	Phòng Giao dịch chứng khoán - CNĐN	Phó Giám đốc Môi giới Chi nhánh	23.250	23.250	0	23.250
295	Nguyễn Thị Mai Phương	Phòng Giao dịch chứng khoán - CNĐN	Chuyên viên	11.440	11.440	0	11.440
296	Hồ Thị Minh Thiện	Phòng Môi giới 1	Trưởng phòng	23.250	23.250	0	23.250
297	Trần Ngọc Minh	Phòng Môi giới 1	Chuyên viên	12.640	0	0	0
298	Lê Thị Liễu	Phòng Môi giới 2	Trưởng phòng	21.950	21.950	0	21.950
299	Hoàng Mai	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	7.740	7.740	0	7.740
300	Đào Quang Long	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
301	Hoàng Hải Long	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	5.240	5.200	0	5.200

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 41-2025/QĐ-HĐQT	Số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua	Số cổ phiếu phân bổ theo Quyết định số 65-2025/QĐ-HĐQT	Tổng số cổ phiếu NLĐ đăng ký mua và được phân phối
302	Huỳnh Thị Thanh Tâm	Phòng Môi giới 2	Chuyên viên	8.940	8.940	0	8.940
303	Vi Thục Chinh	Phòng Môi giới 3	Trưởng phòng	21.950	21.950	0	21.950
304	Hoàng Văn Ngọc	Phòng Môi giới 3	Chuyên viên	10.140	10.140	0	10.140
305	Lê Hồng Sơn	Phòng Môi giới 3	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
306	Trần Thanh Vũ	Phòng Môi giới 3	Chuyên viên	5.240	5.240	0	5.240
307	Ngô Đắc Thịnh	Phòng Công nghệ thông tin - CNĐN	Tổ trưởng nghiệp vụ	13.940	13.940	0	13.940
308	Nguyễn Thị Hiệp	Phòng Kế toán Tài chính - CNĐN	Tổ trưởng nghiệp vụ	12.940	12.940	0	12.940
309	Trương Thị Thảo Uyên	Phòng Kế toán Tài chính - CNĐN	Chuyên viên	6.740	6.740	0	6.740
310	Hoàng Thanh Lộc	Phòng Hành chính Tổng hợp - CNĐN	Chuyên viên	4.240	4.240	0	4.240
311	Lưu Thị Huệ	Phòng Kế hoạch & PTTT	Phó phòng	13.550	13.550	0	13.550
312	Nguyễn Minh Lan Chi	Phòng Tư vấn tài chính - CN.TPHCM	Chuyên viên	5.240	0	0	0
313	Phạm Đức Dũng	Trung tâm M&A và Tái cấu trúc	Giám đốc trung tâm M& A	24.900	24.900	0	24.900
	Tổng cộng			5.000.000	4.819.420	180.580	5.000.000